**NHỮNG** **QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH NĂM 2014**

**\*   CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG LĨNH VỰC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xậy dựng và bảo vệ tổ quốc. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Để nâng cao trách nhiệm của công dân, Nhà nước và xã hội trong việc xây dựng, củng cố chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam, pháp luật quy định quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Theo đó, pháp luật nghiêm cấm các hành vi sau đây:

- Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo. Trong đó, kết hôn giả tạo được hiểu là việc lợi dụng kết hôn để xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, nhập quốc tịch Việt Nam, quốc tịch nước ngoài; hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước hoặc để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình. Ly hôn giả tạo là việc lợi dụng ly hôn để trốn tránh nghĩa vụ tài sản, vi phạm chính sách, pháp luật về dân số hoặc để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích chấm dứt hôn nhân.

- Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn.

Tảo hôn được hiểu là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định (nam chưa đủ 20 tuổi, nữ chưa đủ 18 tuổi).

Cưỡng ép kết hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để buộc người khác phải kết hôn.

Cản trở kết hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để ngăn cản việc kết hôn của người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ. Trong đó, chung sống như vợ chồng được hiểu là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng.

- Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Những người cùng dòng máu về trực hệ là cha, mẹ với con; ông, bà với cháu nội, cháu ngoại.

Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra: cha mẹ là đời thứ nhất; anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh chị em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba.

Về mặt y học nếu thế hệ cha mẹ càng xa bao nhiêu thì thế hệ con càng tiếp thu các mặt tích cực của cha mẹ bấy nhiêu và ngược lại. Cấm kết hôn trong trường hợp này nhằm duy trì, bảo vệ thuần phong, mỹ tục, đạo đức truyền thống cũng như đảm bảo việc phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này, tránh sự suy thoái nòi giống.

Luật hôn nhân và gia đình cấm cả những người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, đã từng là cha chồng với con dâu, đã từng là mẹ vợ với con rể, đã từng là cha dượng với con riêng của vợ, đã từng là mẹ kế với con riêng của chồng. Trên thực tế, giữa những người này không có quan hệ về huyết thống, nhưng trước đây giữa họ đã có mối quan hệ cha, mẹ - con và có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc quy định cấm những người đó kết hôn với nhau nhằm bảo vệ, giữ gìn đạo lý của dân tộc, ổn định mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, phù hợp với đạo đức xã hội và truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

- Yêu sách của cải trong kết hôn.

- Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn. Trong đó, cưỡng ép ly hôn được hiểu là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để buộc người khác phải ly hôn trái với ý muốn của họ.

Cản trở ly hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để buộc người khác phải duy trì quan hệ hôn nhân trái với ý muốn của họ.

- Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính. Trong đó, sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được hiểu là việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm. Mang thai hộ vì mục đích thương mại  là việc một người phụ nữ mang thai cho người khác bằng việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để được hưởng lợi về kinh tế hoặc lợi ích khác.

- Bạo lực gia đình. Trong đó, bạo lực gia đình được hiểu là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

- Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

**\*  QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH NĂM 2014 VỀ ĐIỀU KIỆN KẾT HÔN** **VÀ ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**

**I.** **ĐIỀU KIỆN KẾT HÔN**

Để hướng tới xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, hôn nhân tự nguyện tiến bộ, pháp luật quy định  nam, nữ kết hôn phải tuân theo các điều kiện sau đây:

**1. Phải đủ tuổi kết hôn**

Luật hôn nhân và gia đình quy định nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên mới có quyền kết hôn.

Việc pháp luật quy định độ tuổi kết hôn là căn cứ vào sự phát triển tâm sinh lý của con người, bảo đảm sự phát triển giống nòi, bảo đảm cho các bên nam, nữ có đủ điều kiện về sức khoẻ và khả năng chăm lo cuộc sống gia đình. Ngoài ra, việc quy định độ tuổi kết hôn còn khẳng định chính sách pháp luật của Nhà nước ta không phân biệt dân tộc kinh hay dân tộc thiểu số, nhằm tránh việc tảo hôn, loại bỏ tập quán lấy vợ, chồng sớm ở đồng bào các dân tộc thiểu số, đảm bảo sự trưởng thành về thể chất và trí tuệ cho nam, nữ để họ thực hiện tốt chức năng của mình đối với gia đình và xã hội.

Cơ sở để xác định tuổi kết hôn là Giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền về hộ tịch cấp.

**2. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định**

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ là nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình. Tự nguyện kết hôn là việc hai bên nam nữ thể hiện sự đồng ý trở thành vợ chồng của nhau mà không bị tác động của bên kia hay của bất kỳ người nào khác. Đây là điều kiện quan trọng nhằm bảo đảm cho hôn nhân được xây dựng trên nguyên tắc tự nguyện, cho phép nam, nữ đến độ tuổi kết hôn có quyền bày tỏ ý chí của mình trong việc chọn người "bạn đời", làm cơ sở cho cuộc hôn nhân của họ được hạnh phúc, bền vững.

**3. Không bị mất năng lực hành vi dân sự**

  Theo quy định của Bộ luật dân sự, khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Người mất năng lực hành vi dân sự là người mất khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Vì vậy, họ không được kết hôn do không thể hiện được sự tự nguyện kết hôn, không nhận thức được trách nhiệm làm vợ, làm chồng, làm cha, làm mẹ trong đời sống gia đình.

Bên cạnh đó, theo quy định Bộ luật dân sự thì mọi giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện. Trong khi đó, quyền kết hôn, ly hôn là quyền nhân thân của mỗi người không thể do người đại diện thực hiện. Do đó, để được kết hôn, một điều kiện bắt buộc là nam, nữ phải không bị mất năng lực hành vi dân sự.

**4. Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp**: Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Người cùng giới tính là nam với nam hoặc nữ với nữ. Việc kết hôn giữa những người cùng giới tính không bảo đảm chức năng của hôn nhân là duy trì nòi giống. Do vậy, Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

Nhằm tránh có cách hiểu và can thiệp hành chính vào cuộc sống giữa những người cùng giới tính, đồng thời thể hiện quan điểm hôn nhân phải là sự liên kết giữa hai người khác giới tính, bên cạnh việc quy định các điều kiện kết hôn như trên, pháp luật quy định Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

**II. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**

Đăng ký kết hôn là thủ tục do Nhà nước quy định nhằm công nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa hai bên nam nữ là hợp pháp, là cơ sở pháp lý để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Pháp luật quy định sự kiện kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Đăng ký kết hôn là biện pháp để Nhà nước có thể kiểm tra và kịp thời ngăn chặn các hiện tượng vi phạm điều kiện kết hôn.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch thì không có giá trị pháp lý.

Trường hợp vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.

Pháp luật quy định, đối với kết hôn trong nước không có yếu tố nước ngoài, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn.

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài.

Trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn.

Cơ quan đại diện thực hiện đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, nếu việc đăng ký đó không trái pháp luật của nước tiếp nhận và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trên đây là một số nội dung Luật Hôn nhân và gia đình./.

*Thạch Hạ, tháng 7/2019*

**BAN TƯ PHÁP XÃ THẠCH HẠ**